

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC
KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BTP ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

A. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Mẫu:
01-ĐC/BTP/KSTT

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

- Đơn vị báo cáo¹:
+ Bộ, cơ quan ngang bộ;
+ Ngân hàng Chính sách xã hội,
Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
+ UBND cấp tỉnh.
- Đơn vị nhận báo cáo:
+ Bộ Tư pháp.

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo (trích dẫn các dự thảo văn bản QPPL liên quan), lũy kế đến kỳ báo cáo²:

- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo (trích dẫn các dự thảo văn bản QPPL liên quan), lũy kế đến kỳ báo cáo:

2. Thẩm định TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Nêu tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo (trích dẫn các dự thảo văn bản QPPL liên quan), lũy kế đến kỳ báo cáo do bộ, cơ quan mình chủ trì thực hiện việc thẩm định³.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo (trích dẫn Quyết định công bố), lũy kế đến kỳ báo cáo:

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố (trích dẫn tên văn bản QPPL):

¹ UBND cấp xã thực hiện báo cáo nội dung I.5, I.6 và IV (nếu có).

² Lũy kế tính từ kỳ báo cáo đầu tiên của năm.

³ Ví dụ: Các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trở lên sẽ do Bộ Tư pháp báo cáo về việc thẩm định; các bộ, địa phương báo cáo việc thẩm định TTHC tại văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, địa phương.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố... ; trong đó số TTHC được công khai...

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của bộ, cơ quan tính đến thời điểm báo cáo:.. TTHC (trong đó: số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan:.. TTHC; số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh ... TTHC; số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã ... TTHC).

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương:..(trong đó: số TTHC do trung ương quy định:....; số TTHC do địa phương quy định:..

4. Rà soát, phê duyệt và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

4.1. Theo chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Theo chương trình, kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

(1) Kết quả rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC, ĐKKD:

- Số lượng TTHC, ĐKKD liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh được thống kê, rà soát:....

- Phương án đơn giản hóa cụ thể:

+ Số lượng TTHC, ĐKKD bãi bỏ:.....

+ Số lượng TTHC, ĐKKD đơn giản hóa:.....

- Số tiền tiết kiệm được:..... (triệu đồng); đạt tỷ lệ:.....%

- Thời gian cắt giảm:..... (ngày); đạt tỷ lệ: %

(2) Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa trong kỳ báo cáo:

- Số TTHC, ĐKKD đã thực thi xong phương án:....., đạt tỷ lệ:....%.

- Số tiền tiết kiệm được:..... (triệu đồng); đạt tỷ lệ:.....%

- Thời gian cắt giảm:..... (ngày); đạt tỷ lệ: %

(3) Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa lũy kế đến kỳ báo cáo:

- Số TTHC, ĐKKD đã thực thi xong phương án:....., đạt tỷ lệ:....%.

- Số tiền tiết kiệm được:..... (triệu đồng); đạt tỷ lệ:.....%

- Thời gian cắt giảm:..... (ngày); đạt tỷ lệ: %

- Số TTHC, ĐKKD còn phải thực thi phương án:.....;

b) Theo chương trình, kế hoạch khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có)

(1) Kết quả rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa

(2) Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa **trong kỳ báo cáo:**

- Số TTHC đã thực thi xong phương án:....., đạt tỷ lệ:....%.

Trong đó:

+ Số TTHC bãi bỏ:.....

+ Số TTHC đơn giản hóa:.....

- Số tiền tiết kiệm được:..... (triệu đồng); đạt tỷ lệ:.....%

- Thời gian cắt giảm:..... (ngày); đạt tỷ lệ: %.

(3) Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa **lũy kế** đến kỳ báo cáo:

- Số TTHC đã thực thi xong phương án:....., đạt tỷ lệ:....%.

Trong đó:

+ Số TTHC bãi bỏ:.....

+ Số TTHC đơn giản hóa:.....

- Số tiền tiết kiệm được:..... (triệu đồng); đạt tỷ lệ:.....%

- Thời gian cắt giảm:..... (ngày); đạt tỷ lệ: %.

- Số TTHC còn phải thực thi phương án:....., chiếm tỷ lệ:....%

4.2. Theo Kế hoạch của bộ, cơ quan, UBND cấp tỉnh

(1) Kết quả rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa

(2) Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa **trong kỳ báo cáo:**

- Số TTHC đã thực thi xong phương án:....., đạt tỷ lệ:....%.

Trong đó:

+ Số TTHC bãi bỏ:.....

+ Số TTHC đơn giản hóa:.....

- Số tiền tiết kiệm được:..... (triệu đồng); đạt tỷ lệ:.....%

- Thời gian cắt giảm:..... (ngày); đạt tỷ lệ: %.

- Số TTHC còn phải thực thi phương án (lũy kế đến kỳ báo cáo):....., chiếm tỷ lệ:....%

5. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu

- Số lượng, tên Cơ sở dữ liệu được công bố phạm vi thông tin trong cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Số lượng thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ, giấy tờ sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu được công bố;

- Số lượng thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc quy trình để sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu được công bố để thay thế thành phần hồ sơ hoặc cắt giảm thủ tục hành chính;

- Số lượng văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi và đã sửa đổi để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

6. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã phân loại và chuyển xử lý: phản ánh, kiến nghị. Trong đó: từ chối tiếp nhận: phản ánh, kiến nghị; hướng dẫn bổ sung: ... phản ánh, kiến nghị; chuyển đơn vị khác xử lý: ... phản ánh, kiến nghị; công khai qua thư điện tử của công dân: phản ánh, kiến nghị.

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ:....; số từ kỳ trước chuyển qua:....; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính:....; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính:....

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý:....; trong đó số đã được đăng tải công khai:....

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý:....

- Số phản ánh, kiến nghị xử lý quá hạn: ...

7. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ:.... (trực tuyến:....; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính:....); số từ kỳ trước chuyển qua:.....

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết:....; trong đó, giải quyết trước hạn:...., đúng hạn:...., quá hạn:....

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết:.....; trong đó, trong hạn:....., quá hạn:.....

8. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

9. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện

(ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

10. Công bố, công khai và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

10.1. Về công bố, công khai

- Tổng số Quyết định công bố TTHC nội bộ đã được ban hành trong kỳ báo cáo (trích dẫn tên Quyết định công bố); Tổng số TTHC nội bộ được công bố...; lũy kế đến kỳ báo cáo.

- Tổng số Quyết định công bố và số lượng TTHC nội bộ được công khai (Đã công khai/Chưa công khai)...

10.2. Tình hình kết quả phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ

- Phương án cắt giảm, đơn giản hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: số TTHC giữ nguyên:...; số TTHC bãi bỏ:...; số TTHC sửa đổi, bổ sung:...; Tên, số ký hiệu văn bản phê duyệt Phương án.

- Số TTHC đã thực thi xong phương án:....., đạt tỷ lệ:.....; trong đó, số TTHC bãi bỏ:...; số TTHC sửa đổi, bổ sung:...; số TTHC giữ nguyên:...; Tên, số ký hiệu văn bản thực thi; lũy kế đến kỳ báo cáo.

11. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

12. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

13. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

- Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra.

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC.

14. Nội dung khác

- Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC.

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương (quy chế, kế hoạch...).

- Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ.

-

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC của cơ quan.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC:

+ Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại cơ quan, đơn vị trực thuộc trong công tác này;

+ Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỶ TIẾP THEO⁴

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công kiểm soát TTHC sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC (nếu phát hiện có thiếu sót, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC; khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Nội dung cụ thể khác cần kiến nghị./.

⁴ Kỳ tiếp theo được hiểu như sau: Đối với báo cáo tháng là tháng sau, báo cáo quý là quý sau, đối với báo cáo năm là năm sau.

B. CÁC BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO

Biểu số 01a/BTP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(TTHC) TẠI BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ**

Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

Bộ, cơ quan ngang bộ.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên dự án/ dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành)	
		Tổng số TTHC được đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản
(1)	(2)	(3) = (4)+ (5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Luật							
1	...							
...								
II	Pháp lệnh							
1	...							
...								
III	Nghị định							
1	...							

...								
IV	Nghị quyết Chính phủ							
1	...							
...								
V	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ							
1	...							
...								
VI	Thông tư							
1	...							
...								
	TỔNG SỐ							

Lưu ý: Đối với những dự án/dự thảo văn bản QPPL chưa được ban hành trong kỳ báo cáo, đề nghị cung cấp/ cập nhật thông tin (tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản; số lượng TTHC) tại các kỳ báo cáo kế tiếp.

Biểu số 01b/BTP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành)	
		Tổng số TTHC được đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản
(1)	(2)	(3) = (4)+ (5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh							
1	...							
...	...							
II	Quyết định của UBND cấp tỉnh							
1	...							
...	...							
III.	Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh							
1	...							
	TỔNG SỐ							

Lưu ý: Đối với những dự thảo văn bản QPPL chưa được ban hành trong kỳ báo cáo, đề nghị cung cấp/ cập nhật thông tin (tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản; số lượng TTHC) tại các kỳ báo cáo kế tiếp.

DANH SÁCH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THẨM ĐỊNH TRONG KỲ BÁO CÁO

STT	Tên văn bản quy phạm pháp luật thẩm định trong kỳ báo cáo	Bộ/cơ quan chủ trì
I	Luật/ Nghị quyết của Quốc hội	
1	...	
n	...	
II	Pháp lệnh	
1	...	
n	...	
III	Nghị định	
1	...	
n	...	
IV	Nghị quyết của Chính phủ	
1	...	
n	...	
V	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	
1	...	
n	...	

Biểu số 02b/BTP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN NGANG BỘ**

Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

Bộ, cơ quan ngang bộ

- Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Số lượng TTHC được thẩm định tại dự thảo Thông tư	
		Số lượng TTHC	Số lượng Thông tư ⁵
(1)	(2)	(3)	(4)
1	...		
2	...		
...	...		
TỔNG SỐ			

⁵ Danh mục Thông tư kèm theo: Tên, trích yếu, ngày tháng năm ban hành.

Biểu số 02c/BTP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH
TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL					
				Quyết định của UBND ⁶		Quyết định của Chủ tịch UBND ⁷		Nghị quyết của HĐND ⁸	
		TTHC	VBQPPL	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC
(1)	(2)	(3) = (5)+(7)+(9)	(4) = (6)+(8)+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sở...								
2	Sở...								
TỔNG SỐ									

⁶ Danh mục Quyết định của UBND kèm theo: Tên, trích yếu, ngày tháng năm ban hành.

⁷ Danh mục Quyết định của Chủ tịch UBND: Tên, trích yếu, ngày tháng năm ban hành.

⁸ Danh mục Nghị quyết của HĐND: Tên, trích yếu, ngày tháng năm ban hành.

Biểu số 05a/BTP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẮT GIẢM,
ĐƠN GIẢN HÓA TTHC DỰA TRÊN DỮ LIỆU**

Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:
Bộ, cơ quan ngang bộ.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp

A. Kết quả sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu

STT	Tên văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung	Tên văn bản QPPL đã được ban hành (Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành) hoặc tiến độ thực hiện đối với văn bản chưa được ban hành	Số TTHC đã thay thế bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC đã cắt giảm bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
I	Luật				
1	...				
II	Nghị định				
1				
III	...				

B. Kết quả tái cấu trúc quy trình giải quyết đối với các TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế thông tin trên các Cơ sở dữ liệu đã được các Bộ công bố

Biểu số 05b/BTP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẮT GIẢM,
ĐƠN GIẢN HÓA TTHC DỰA TRÊN DỮ LIỆU**

Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

1. Cơ sở dữ liệu được công bố phạm vi thông tin trong cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính

TT	Tên Cơ sở dữ liệu được công bố	Thông tin trong cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính	
		Số lượng	Chi tiết

2. Số thủ tục hành chính có sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu đã được công bố

TT	Tên cơ sở dữ liệu đã công bố	Tổng số TTHC sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu/Tổng số TTHC phải tái cấu trúc để sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu	Tổng số TTHC đã tái cấu trúc theo Cơ sở dữ liệu
01	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư		
02	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử		
03	Cơ sở dữ liệu quốc gia nền tảng Sổ sức khỏe điện tử		
04	Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện		
05	Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp		
06	Cơ sở dữ liệu Giấy phép lái xe		
07	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp		
08	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai		
09	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xã hội		
....		

Biểu số 07b/BTP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP TỈNH**
Kỳ báo cáo: Tháng.../Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp.
Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận						Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ				Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần	Qua dịch vụ bưu chính	Trực tiếp								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)+(7)+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)+ (12)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+ (15)	(14)	(15)
I.	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp tỉnh													
1	Lĩnh vực...													
2	Lĩnh vực...													
...	...													
II.	Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp xã													
1	Lĩnh vực...													
2	Lĩnh vực...													
...	...													
TỔNG CỘNG														

Lưu ý: Mục II: Số liệu được tổng hợp từ báo cáo của UBND các xã, phường, đặc khu.

III.	Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc cấp khu vực/tỉnh													
1	Lĩnh vực...													
2	Lĩnh vực...													
...	...													
IV.	Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc cấp xã													
1	Lĩnh vực...													
2	Lĩnh vực...													
...	...													
TỔNG CỘNG														

Lưu ý:

- Cột số (6) của kỳ báo cáo (N) bất kỳ = cột số (11) của kỳ báo cáo (N-1)
- Các mục: I, II, III, IV: Số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Biểu số 08a/BTP/KSTT

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA (BPMC) CẤP BỘ**

Kỳ báo cáo: Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

+ Bộ, cơ quan ngang bộ;
+ Ngân hàng Chính sách Xã hội,
Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp.

Đơn vị tính: TTHC, quy trình.

STT	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, cơ quan	TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Số lượng TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Số lượng TTHC đã được ban hành quy trình nội bộ để giải quyết
		Tổng số	TTHC giải quyết tại BPMC của Bộ, cơ quan	TTHC tổ chức theo ngành dọc	
(1)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)	(6)
1	Lĩnh vực A				
2	Lĩnh vực B				
...				
TỔNG CỘNG					

Biểu số 08b/BTP/KSTT

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA,
MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA CẤP XÃ**

Kỳ báo cáo: Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp xã.

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

*Đơn vị tính: Điểm tiếp nhận,
người.*

STT	Trung tâm Phục vụ hành chính công (TPVHCC) xã/phường	Số lượng điểm tiếp nhận	Nhân sự			Đánh giá trang thiết bị tại các TTPVHCC			
			Chuyên trách của TTPVHCC	Cơ quan/phòng chuyên môn cử đến TTPVHCC	Nhân viên hợp đồng	Trang bị đủ máy tính cho cán bộ tiếp nhân/giải quyết TTHC	Trang bị đủ máy tính hỗ trợ thực hiện Dịch vụ công trực tuyến	Trang bị đủ máy scan	Trang bị đủ màn hình cảm ứng tra cứu thông tin, đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Xã/phường....								

Lưu ý:

- Các cột (3), (4), (5), (6): Điền số liệu;
- Các cột (7), (8), (9), (10): Trang bị đủ điền 1, Trang bị chưa đủ điền 0.

Biểu số 08c/BTP/KSTT

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA,
MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../06 tháng đầu năm/Năm...

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh.

- Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp.

Đơn vị tính: TTHC, chi

nhánh/điểm tiếp nhận, người,

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI TTPVHCC CÁC CẤP

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương			Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương thực hiện tiếp nhận tại TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã			Số lượng TTHC đã được ban hành quy trình nội bộ để giải quyết		
Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp xã	Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp xã	Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp xã
(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, TRANG THIẾT BỊ TTPVHCC

STT	TTPVHCC cấp tỉnh, cấp xã	Số lượng chi nhánh/điểm tiếp nhận	Nhân sự			Đánh giá trang thiết bị tại các TTPVHCC			
			Chuyên trách của TTPVHCC	Các sở/cơ quan/phòng chuyên môn cử đến TTPVHCC	Nhân viên hợp đồng	Trang bị đủ máy tính cho cán bộ tiếp nhận/giải quyết TTHC	Trang bị đủ máy tính hỗ trợ thực hiện Dịch vụ công trực tuyến	Trang bị đủ máy scan	Trang bị đủ màn hình cảm ứng tra cứu thông tin, đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cấp tỉnh								
2	Cấp xã								
TỔNG CỘNG									

Lưu ý: Cách điền mục II:

- Các cột (3), (4), (5), (6): Điền số liệu;

- Các cột (7), (8), (9), (10):

+ Đối với cấp tỉnh: Trang bị đủ điền 1, Trang bị chưa đủ điền 0.

+ Đối với cấp xã: Số liệu được tổng hợp từ báo cáo của UBND các xã, phường, đặc khu.

